

Số **01**/PA-THHNĐBP

Mường Thanh, ngày **12** tháng **9** năm 2022

**PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC HÀ NỘI – ĐIỆN BIÊN PHỦ**

(Kèm theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)

- Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGD ngày 04 tháng 09 năm 2020 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành điều lệ trường Tiểu học;

- Căn cứ Quyết định số 204/QĐ-UBND, ngày 19/01/2022 của Ủy ban nhân dân Thành Phố Điện Biên Phủ về việc giao chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập Thuộc UBND Thành phố Điện Biên Phủ năm 2022.

- Căn cứ Quyết định số 208/QĐ-UBND, ngày 19/01/2022 của Ủy ban nhân dân Thành Phố Điện Biên Phủ về việc giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc UBND Thành phố Điện Biên Phủ năm 2022;

- Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-PGDĐT, ngày 07/01/2022 của Phòng GD & ĐT TP Điện Biên Phủ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

- Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND ngày 19/08/2022 về việc điều chỉnh số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ năm 2022;

Thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 08 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 08 năm 2021 của UBND Tỉnh Điện Biên về quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt

động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Thu thỏa thuận dạy thêm, học thêm trong nhà trường, thu các khoản đào tạo khác theo thỏa thuận: Thực hiện theo Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý dạy thêm học thêm trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 của UBND tỉnh sửa đổi một số điều của quy định về quản lý dạy thêm học thêm ban hành kèm theo Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của UBND tỉnh; Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 23/04/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc sửa đổi, bãi bỏ một số điều, khoản quy định về quản lý dạy thêm học thêm trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của UBND tỉnh Điện Biên.

Thu theo hợp đồng trông xe và các khoản thu dịch vụ khác theo quy định hiện hành: thực hiện theo Quyết định số 39/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về việc quy định giá các sản phẩm, dịch vụ chuyển từ phí sang giá dịch vụ do Nhà nước định giá trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Thực hiện Nghị định số 57/2017/NĐ-CP, ngày 09/5/2017 của Chính Phủ về Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Căn cứ vào Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, ngày 18/7/2016 của Chính phủ về Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ vào Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động –TBXH, Bộ Tài chính về Quy định chính sách về giáo dục đối với trẻ Khuyết tật.

Căn cứ vào Thông tư liên tịch số 50/2011/TTLT-BGDĐT- BNV-BTC, ngày 03/11/2011 về hướng dẫn thực hiện các điều 3,4,5,6,7,8 và điều 9 nghị định số 82/2010/NĐ-CP, ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên.

Căn cứ vào Quyết định số 15/2010/QĐ – TTg, ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phụ cấp dạy lớp ghép đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh tiểu học trong các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ vào Quyết định số 861/QĐ-TTg, ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ vào Quyết định số 433/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban dân tộc Miền núi về Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025;

Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017.

Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực từ 01/01/2017.

Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Kế toán áp dụng trong lĩnh vực kế toán nhà nước.

Luật viên chức số 58/2010/QH12 có hiệu lực từ ngày 01/01/2012 quy định về viên chức; quyền, nghĩa vụ của viên chức; Tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014 quy định một số điều thực hiện chế độ chính sách BHXH cho người lao động.

Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Thực hiện Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

Thực hiện Thông tư số 144/2017/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 29/12/2017 Thông tư hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 152/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

Thực hiện Thông tư số 45/2018/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 07/05/2018 Thông tư hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ

quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/07/2021 của Bộ tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

Thực hiện Thông tư số 137/2017/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 25/12/2017 quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

Thực hiện thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/08/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh sự cố, hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo.

Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 Thông tư của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách nhà nước đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ.

Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 Thông tư của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách nhà nước đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ.

Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc thiết bị.

Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/04/2019 của thủ tướng Chính phủ quyết định về số gói thầu, nội dung mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại điều 26 luật đấu thầu.

Quyết định số 849/QĐ-UBND về việc công bố danh mục các tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện trên địa bàn tỉnh.

I. Đánh giá tình hình thực hiện phương án tự chủ tài chính giai đoạn trước (nếu trường mới thành lập không phải đánh giá)

1. Về tổ chức bộ máy

- Chức năng nhiệm vụ của nhà trường là Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn,

sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường,

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội. Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trong năm trường có 1.301 học sinh với số lớp là 31.

Trong đó:

+ Khối 1: 6 lớp = 251 học sinh

+ Khối 2: 6 lớp = 250 học sinh

+ Khối 3: 6 lớp = 283 học sinh.

+ Khối 4: 7 lớp = 296 học sinh.

+ Khối 5: 6 lớp = 246 học sinh

- Với chức năng chính là giảng dạy và giáo dục phẩm chất đạo đức học sinh năm qua nhà trường đã hoàn thành nhiệm vụ của mình theo kế hoạch của ngành về mặt chất lượng đạt yêu cầu công việc được giao.

- Tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính: Nhà trường luôn thực hiện tốt chính sách chế độ và các quy định về tài chính, xây dựng được quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo các hoạt động chung của nhà trường cũng như

các chế độ chính sách của CBGV và học sinh được đáp ứng đầy đủ trong phạm vi nguồn kinh phí được giao.

- Trường có tổng số 55 CBGVNV

- Bộ máy chính quyền:

+ 1 Ban giám hiệu

+ 5 Tổ chuyên môn

+ 1 Tổ văn phòng

- Bộ máy tổ chức đoàn thể:

+ 1 Chi bộ đảng.

+ 1 Tổ chức công đoàn.

+ 1 Tổ chức đoàn thanh niên.

2. Về thực hiện các chỉ tiêu người làm việc

Chỉ tiêu	Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021		
	Số thực hiện đầu năm	Số TH cuối năm	Số được giao	Số thực hiện đầu năm	Số TH cuối năm	Số được giao	Số thực hiện đầu năm	Số TH cuối năm	Số được giao	Số thực hiện đầu năm	Số TH cuối năm	Số được giao
Viên chức (người)	57	57	57	55	55	55	56	56	56	55	55	55

3. Về thực hiện các chỉ tiêu tài chính

a) Mức thu sự nghiệp: Không có

b) Báo cáo về thực hiện các chỉ tiêu tài chính thu, chi giai đoạn tự chủ:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
A-Nguồn thu được để lại				
B- Ngân sách cấp	7.735,5	8,507,7	9,300,9	9.146,0
Dự toán được giao	7.735,5	8.507,7	9.300,9	9.146,0
Số ngân sách sử dụng	7.735,5	8.507,7	9.295,9	9.142,0
Số kinh phí tiết kiệm được			5,0	4,0
Dự toán còn lại				
Dự toán chuyển sang năm sau				

c) Chênh lệch thu chi thường xuyên: 0 đồng

4. Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm và chênh lệch thu chi

- Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 0 đồng

- Trích lập quỹ ổn định thu nhập; quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi: 0 đồng

5. Tổng thu nhập tăng thêm của người lao động: 0 đồng

6. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị: Không

II. Báo cáo phương án tự chủ tài chính giai đoạn tiếp theo

1. Về tổ chức bộ máy

- Chức năng nhiệm vụ của nhà trường là Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường,

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội. Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 57 người

Trong đó:

+ Biên chế: 54 người.

- + Hợp đồng theo ND 68/2000: 03 người.
- Tổ chức bộ máy chính quyền
- + 1 Ban Giám hiệu.
- + 5 tổ chuyên môn.
- + 1 tổ văn phòng.
- Bộ máy tổ chức đoàn thể
- + 1 chi bộ.
- + 1 Tổ chức Công đoàn cơ sở.
- + 1 Tổ chức Đoàn thanh niên.

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
Số lượng viên chức (người)	55	57	57	57	57

2. Về dự kiến thực hiện nhiệm vụ được giao

- Chức năng nhiệm vụ của trường là giảng dạy văn hoá cho học sinh tiểu học, giáo dục phẩm chất, rèn đạo đức đối với con em nhân dân trong địa bàn Phường Mường Thanh
- Dự kiến hàng năm trường có từ 1.200 đến 1.300 học sinh. Tổng số 30 lớp, mỗi khối trung bình 6 lớp. tỷ lệ học sinh giao động từ 36 học sinh/lớp trở lên.

3. Về dự toán thu, chi

a) Dự toán thu, chi thường xuyên

- Mức thu sự nghiệp: Không có
- + Thu tiền học thêm theo Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND ngày 27/01/2014; số tiền thu được chi trả 90% cho giáo viên và cán bộ quản lý và 10% chi cho cơ sở vật chất;
- + Thu các khoản khác đảm bảo thu bù chi, không lợi nhuận trên tinh thần tự nguyện (tiền vệ sinh, nước uống) theo Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập;

Chi thường xuyên: Chi trả tiền lương, phụ cấp, các khoản trích nộp theo lương, các khoản có tính chất lương. Chi các hoạt động thường xuyên khác của đơn vị (Dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, công tác phí, nghiệp vụ chuyên môn, sửa chữa nhỏ tài sản....).

- Dự kiến chênh lệch thu, chi thường xuyên: 0 đồng.

b) Dự toán chi nhiệm vụ thường xuyên

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
A-Nguồn tài chính					
1-Thu sự nghiệp					
B-Chi thường xuyên	9.300	9.650	9.650	9.650	9.650
1.Tiền lương, phụ cấp, các khoản trích nộp theo lương, các khoản có tính chất lương	8.915	9.265	9.265	9.265	9.265
2.Chi hoạt động dịch vụ	385	385	385	385	385
Chênh lệch đánh giá mức độ tự chủ	0%	0%	0%	0%	0%

4. Xác định mức độ tự chủ tài chính

Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên. Nhóm 4

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT thành phố;
- Phòng Tài chính KH thành phố;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Nga